

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 27 - 9- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Kiều.

Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/TLST- HS ngày 19 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn Q - Sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Đội 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1975, cả hai hiện làm ruộng tại đội 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có vợ là Nguyễn Ngọc Bích Tr, sinh năm 1989, hiện trú tại thị xã Ph, tỉnh Bình Phước.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/03/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ, về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Nhân thân: + Ngày 20/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Ngày 08/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Th, Thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo Trần Văn Q bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 21/05/2019 đến ngày 24/05/2019 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N; có mặt.

** Người bị hại:*

1. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1952; nơi cư trú: Đội 1, hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Đội 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. Anh Trần Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 2, Thượng K, thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn Nh, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Anh Vũ Ngọc A, sinh năm 1983; nơi cư trú: Phố Ph, thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

5. Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: Phố Thượng K, thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Đội 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1995; nơi cư trú: Đội 1, hợp tác xã N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Anh Phan Văn L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 04/4/2019, Trần Văn T đến nhà và rủ Trần Văn Q đi chơi. T điều khiển xe mô tô, biển số 18Z5 - 8035 chở Q đi vòng quanh thị trấn Q, huyện N. Khoảng 12 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực chợ Q, Q phát hiện tại khu vực bãi để xe Chợ Q có 01 chiếc xe lôi tự chế bằng sắt của chị

Trần Thị Th là người bán hoa quả tại chợ. Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe lôi ba bánh của chị Th để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Q bảo T dừng xe lại để trộm cắp chiếc xe lôi ba bánh mang đi bán. T đồng ý, Q đến kéo chiếc xe lôi ra ngoài. T điều khiển xe mô tô chở Q ngồi sau kéo chiếc xe lôi sang khu vực tỉnh Ninh Bình để tìm chỗ tiêu thụ. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 04/4/2019, khi Q và T kéo xe lôi đến khu vực bến phà QN thì bị quần chúng nhân dân và Công an Thị trấn Q phát hiện bắt. Trần Văn Q đã bỏ trốn. Thu giữ của Trần Văn T 01 xe lôi tự chế (Loại xe 03 bánh) bằng sắt có kích thước thùng xe 1,5 x 0,7 x 0,4 mét, có tay kéo bằng tuýp sắt dài 1,2 mét đã qua sử dụng và 01 xe mô tô, biển số 18Z5 - 8035 đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định truy nã đối với Trần Văn Q. Ngày 21/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bắt được Trần Văn Q tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại bản kết luận định giá số 15/HĐ - ĐGTS, ngày 04/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 xe lôi 03 bánh tự chế có kích thước 1,5 x 0,7 x 0,4 mét, tay kéo bằng tuýp sắt dài 1,2 mét, đã qua sử dụng có giá trị 850.000 đồng.

Quá trình điều tra Trần Văn Q còn khai nhận:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 26/4/2019, Trần Văn Q đến nhà ông Trần Văn H ở đội 13, xã N, huyện N chơi, biết ông H có chiếc xe mô tô nhãn hiệu CITI, biển số 18M1- 7923, sơn màu xanh, đã qua sử dụng, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông H để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Q nói với ông H cho Q mượn xe mô tô đi chợ hàng, ông H đồng ý và đưa xe cho Q mượn. Sau khi mượn được chiếc xe mô tô của ông H, Q không đi chợ hàng mà đi sang thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bán cho anh Phan Văn Đ với giá 1.000.000 đồng. Số tiền trên Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Công an huyện N thu giữ của anh Phan Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu CITI, biển số 18M1- 7923, sơn màu xanh, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 22/HĐ - ĐGTS ngày 06/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu CITI, biển số 18M1- 7923, sơn màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị: 2.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 15/5/2019, Trần Văn Q đến nhà ông Nguyễn Công L ở đội 1, hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, Nam Định chơi. Biết ông L có chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 18P2- 3987, sơn màu xanh, đã qua sử dụng. Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông L để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Q hỏi ông L mượn xe mô tô để đi mua bao thuốc lá để hút. Ông L đồng ý và đưa xe mô tô cho Q mượn. Sau khi mượn được xe, Q không đi mua

thuốc lá mà đi đến khu vực thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bán cho anh Phan Văn T với giá 450.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe mô tô, biển số 18P2 - 3987 của Trần Văn Q, anh Phan Văn T bán lại cho anh Bùi Văn N ở xóm Đ, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình với giá 700.000 đồng. Sau đó anh Bùi Văn N bán lại cho anh Vũ Ngọc A ở phố Ph, thị trấn Ph, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình với giá 800.000 đồng. Số tiền 450.000 đồng Q đã sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Công an huyện N thu giữ của anh Vũ Ngọc A 01 mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 18P2 - 3987, sơn màu xanh, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 22/HĐ - ĐGTS ngày 06/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 18P2- 3987, sơn màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị: 1.800.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/5/2019, Trần Văn Q đến nhà chị Nguyễn Thị N ở đội 7, xã N, huyện N chơi, biết chị N có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 18M1- 5367, sơn màu đỏ, đen, bạc đã qua sử dụng. Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị N để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Q hỏi chị N cho Q mượn xe mô tô để về nhà lấy đồ để ra xe ô tô lên thành phố Hà Nội. Chị N đồng ý cho Q mượn xe. Sau khi mượn được xe mô tô của chị N, Q không về nhà lấy đồ mà điều khiển xe mô tô đến nhà anh Nguyễn Văn T ở tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện N và hỏi anh T mượn tiền 5.000.000 đồng và Q gửi lại chiếc xe mô tô, biển số 18M1- 5367 ở nhà anh T để làm tin. Anh T đồng ý và cho Q mượn số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền trên Q đã chi tiêu cá nhân hết, Q không có ý định chuộc lại xe. Công an huyện N thu giữ của anh Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 18M1- 5367, sơn màu đỏ, đen, bạc đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 22/HĐ - ĐGTS ngày 06/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 18M1- 5367, sơn màu đỏ, đen, bạc đã qua sử dụng có giá trị: 5.100.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Trần Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 18/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp

dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn Q từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn Q từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 55 để tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 450.000đ đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có lời khai: Đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã có cơ sở kết luận:

+ Khoảng 12 giờ ngày 04/4/2019, tại khu vực chợ QN, thuộc tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện N, Trần Văn Q có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô của chị Trần Thị Th, trị giá 850.000 đồng.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm...”

Mặc dù tài sản mà bị cáo đã trộm cắp có trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do vậy, hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

+ Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 26/4/2019, tại nhà ông Trần Văn H ở đội 13, xã N, huyện N, Trần Văn Q có hành vi gian dối chiếm đoạt của ông H 01 xe mô tô nhãn hiệu CITI, biển số 18M1- 7923, sơn màu xanh, đã qua sử dụng, trị giá 2.200.000 đồng.

Khoảng 19 giờ, ngày 15/5/2019, tại nhà ông Nguyễn Công L ở đội 1, hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, Trần Văn Q có hành vi gian dối chiếm đoạt của ông L 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 18P2- 3987, sơn màu xanh, đã qua sử dụng, có trị giá 1.800.000 đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 20/5/2019, tại nhà chị Nguyễn Thị N ở đội 7, xã N, huyện N, Trần Văn Q có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị N 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 18M1- 5367, sơn màu đỏ, đen, bạc, đã qua sử dụng, trị giá 5.100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Trần Văn Q có hành vi gian dối chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công L và chị Nguyễn Thị N là 9.100.000 đồng.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”. Như vậy, hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công L và chị Nguyễn Thị N mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

theo điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 04/2019 đến tháng 05/2019, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe lôi tự chế (Loại xe 03 bánh) bằng sắt có kích thước thùng xe 1,5 x 0,7 x 0,4 mét, có tay kéo bằng tuýp sắt dài 1,2 mét; chiếc xe mô tô biển số 18Z5 - 8035; chiếc xe mô tô nhãn hiệu CITI, biển số 18M1-7923, sơn màu xanh và chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 18P2- 3987, sơn màu xanh, đều đã qua sử dụng, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 18M1- 5367, sơn màu đỏ, đen, bạc đã qua sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chị Trần Thị Th, bà Vũ Thị X, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Công L và chị Nguyễn Thị N là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, Trần Văn Q bán xe mô tô cho anh Phan Văn Đ và số tiền 5.000.000 đồng, Trần Văn Q vay của anh Nguyễn Văn T, gia đình Trần Văn Q đã trả đầy đủ cho anh Đ và anh T.

Đối với số tiền 450.000 đồng, Trần Văn Q bán xe mô tô cho anh Phan Văn T, anh T không yêu cầu Q phải bồi hoàn lại cho anh T. Đây là tiền Trần Văn Q thu lợi bất chính nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với Trần Văn T có hành vi trộm cắp tài sản cùng với Trần Văn Q ngày 04/4/2019 tại Thị trấn Q, Công an huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn T là phù hợp.

Đối với anh Phan Văn Đ, anh Phan Văn T và anh Nguyễn Văn T khi mua xe mô tô và nhận gửi xe mô tô của Trần Văn Q không biết đó là tài sản do Trần Văn Q lừa đảo của người khác mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[8] Bị cáo Trần Văn Q phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là tương đối phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. - Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (Sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Quyết định hình phạt trong trường hợp bị cáo phạm nhiều tội: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2019.

3. Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Trần Văn Q số tiền 450.000 đồng là tiền bị cáo hưởng lợi bất chính.

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Ấn văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương